TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 02-3-2021
V/v tranh chấp "Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Lương Viết Tú**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Lâm**

Ông **Đỗ Minh Thân**

- Thư ký phiên toà: Ông **Lê Anh Xuân Ngọc** là Thư ký Toà án của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh P

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P tham gia phiên toà: Bà **Hà Thị Phương Thảo** - Kiểm sát viên

Trong ngày 02 tháng 3 năm 2021. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1993; Địa chỉ: Khu 7, xã TP, huyện T, tỉnh P; Chỗ ở: Khu 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh P. (Vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Thế C**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Khu 7, xã TP, huyện T, tỉnh P. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện, được bổ sung bằng bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày***:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Thế C ngày 22/11/2019, đăng ký kết hôn tại UBND xã TP, huyện T, tỉnh P hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng với gia đình chồng. Tình cảm vợ chồng bước đầu hoà thuận hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau trong cuộc sống và trong công việc, chị phải chịu nhiều áp lực từ gia đình nhà chồng. Ngày 22/10/2020 chị về nhà bố mẹ đẻ tại khu 4, thị trấn T, huyện T ở, kể từ đó cho tới nay vợ chồng sống ly thân, cắt đứt quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm không còn, quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn được, do vậy chị đề nghị ly hôn anh C để giải phóng cho bản thân.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hà A, sinh ngày 14/5/2020. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chị muốn đưa cháu về nhà ông bà ngoại ở. Tuy nhiên bà nội cháu không cho chị đưa con đi theo. Do vậy kể từ ngày 22/10/2020 cho đến nay thì cháu A vẫn ở với bố và bà nội. Khi ly hôn xảy ra chị đề nghị được nuôi cháu A, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, tài sản nợ, cho vay, C sức đóng góp: Chị không yêu cầu giải quyết.

**** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Thế C trình bày***:

- Anh C xác định về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn như chị H trình bày trên là đúng. Tuy nhiên anh xác định cuộc sống vợ chồng vẫn hòa thuận hạnh phúc cho đến ngày 21/10/2020 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhau, anh cũng có đánh chị H, tuy nhiên là do chị H nói tục, xử sự không đúng mực với anh còn sự việc này trước đây không xảy ra. Ngày 22/10/2020 chị H đã gọi bố mẹ xuống đón về; kể từ đó cho đến nay thì vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian ly thân anh có nhắn tin qua điện thoại khuyên bảo chị H quay về nhà để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc nhưng chị H không đồng ý. Trong qúa trình giải quyết vụ án anh C cho rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, anh vẫn còn tình cảm với chị H, anh không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa anh C xác định quan hệ vợ chồng không hàn gắn được, chị H vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị H đã trình bày trên là đúng. Hiện nay cháu Nguyễn Hà A vẫn ở với anh. Nếu ly hôn xảy ra thì anh đề nghị được nuôi cháu A, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn nếu HĐXX giao con cho chị H thì anh đề nghị được đón con mỗi tháng một tuần.

- Về tài sản chung, tài sản nợ, cho vay, công sức: Không yêu cầu giải quyết.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thuỷ tại phiên tòa*** *(có bài phát biểu lưu trong hồ sơ vụ án)**:***

** Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.*

** Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thế C; Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hà A, sinh ngày 14/5/2020. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung;*

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này;

Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Chị H do điều kiện bận công việc nên chị đề nghị được xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị H kết hôn với anh C vào năm 2019, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TP, huyện T, tỉnh P, đây là một hôn nhân hợp pháp. Chị H và anh C xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay, tình cảm không còn, chị đề nghị được ly hôn. Quá trình giải quyết anh C cho rằng anh vẫn còn tình cảm với chị H nên anh không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên tại phiên tòa anh C xác định quan hệ vợ chồng không hàn gắn được nên anh đồng ý ly hôn nếu chị H cương quyết.

Xét thấy mâu thuẫn giữa anh C và chị H là trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay hai bên đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Vì vậy HĐXX cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị H xử cho chị được ly hôn anh C là phù hợp tránh ràng buộc không có lợi.

[2] Về con chung: Anh C và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Hà A, sinh ngày 14/5/2020, các bên đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên HĐXX xét thấy, hiện nay cháu An còn nhỏ, mới được 09 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ để đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu. Do vậy cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu A là phù hợp. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị H và anh C không đề nghị Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 4, Điều 147; Khoản 1, Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56; Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ: Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thế C.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Hà A, sinh ngày 14/5/2020; kể từ tháng 3/2021 cho đến khi cháu thành niên.

Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, về nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này do các bên không yêu cầu.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2018/0000659 ngày 10/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thuỷ, tỉnh P.

5. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, Bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án; Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú; để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã TP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Viết Tú